

SỰ BIẾN ĐỔI TỔ CHỨC KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC LÀNG NGHỀ BÌNH MINH – NAM ĐỊNH

Trần Đình Hiếu^{1*}, Nguyễn Quốc Trúc²

¹ Khoa Kiến trúc, Trường Đại học Bách khoa - Đại học Đà Nẵng

² Khoa Kiến trúc, Trường Đại học Thủ Dầu Một

*Email: tdhieu@dut.udn.vn

Ngày nhận bài: 21/4/2024; ngày hoàn thành phản biện: 10/6/2024; ngày duyệt đăng: 24/7/2024

TÓM TẮT

Từ khi Việt Nam bước vào công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước thì sự biến đổi cấu trúc không gian nhà ở nông thôn diễn ra rõ nét và mạnh mẽ. Các yếu tố tác động này bao hàm hầu như tất cả lĩnh vực trong cuộc sống xã hội, kiến trúc, quy hoạch, môi trường, kinh tế... tác động biến đổi nhanh chóng đến kiến trúc Việt Nam nói chung và kiến trúc nông thôn nói riêng. Vì vậy, cần nhìn nhận các nhân tố tác động trực tiếp đến những sự chuyển hóa này để có một cái nhìn toàn cảnh hơn về bức tranh nông thôn làng nghề hiện nay. Trường hợp, Làng nghề đồ gỗ khảm trai Bình Minh cũng nằm trong xu hướng biến đổi cấu trúc không gian đó. Nội dung bài nghiên cứu là xác định các nhân tố tác động đến sự biến đổi và Đánh giá sự biến đổi không gian kiến trúc tổng thể và cấu trúc không gian kiến trúc nhà ở hiện trạng tại làng nghề. Cũng như đề xuất - kiến nghị một số nguyên tắc về bảo tồn và phát triển làng nghề này trong điều kiện phát triển hiện nay.

Từ khóa: Không gian kiến trúc làng nghề; nhà ở nông thôn miền bắc; làng nghề chạm khắc gỗ bình minh.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Làng Việt là một đơn vị định cư lâu đời, là nơi lưu giữ nhiều giá trị của cộng đồng dân cư sống trong làng, cộng đồng này có mối liên kết chặt chẽ với nhau, hỗ trợ giúp đỡ nhau trong sản xuất và trong đời sống sinh hoạt hàng ngày. Mối liên kết này lại càng bền chặt hơn đối với làng tại vùng đồng bằng Bắc Bộ, được xem là cái nôi nền văn minh lúa nước của người Việt. Làng là nơi chứa đựng các giá trị như lịch sử, tinh thần, nơi chốn, kiến trúc và nhiều giá trị khác. Làng nghề, với đặc trưng sản xuất các sản phẩm thủ công mỹ nghệ, ngoài những giá trị trên còn là nơi gìn giữ, bảo tồn và phát huy các nghề truyền thống, tạo việc làm cho người dân làng nghề [1].

Làng nghề truyền thống đồ gỗ khảm trai Bình Minh thuộc tỉnh Nam Định, nơi được mệnh danh là “đất trăm nghề” với 124 làng nghề công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Trong những năm gần đây, hoạt động sản xuất kinh doanh tại các làng nghề đã góp phần quan trọng trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh, đời sống của người lao động được nâng cao, tạo việc làm ổn định, tăng thu nhập cho người lao động, giảm khoảng cách giữa thành thị và nông thôn, giảm tỷ lệ hộ nghèo.... Làng nghề Bình Minh được biết đến với các sản phẩm đồ gỗ khảm trai nổi tiếng trong và ngoài nước. Hiện nay, làng nghề là một trong số các làng nghề truyền thống được duy trì và phát triển ổn định nhất. Vì vậy, có thể đẩy mạnh và duy trì bảo tồn song song với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xây dựng nông thôn mới.

Cấu trúc môi trường ở làng nghề, nhìn chung không biến đổi nhiều qua một thời gian dài và dần trở thành bản sắc và tinh hoa của môi trường ở nông thôn. Từ khoảng thời gian đất nước thống nhất cùng với công cuộc công nghiệp hoá (CNH), hiện đại hoá (HĐH) của đất nước, thì sự biến đổi môi trường ở nông thôn diễn ra rõ nét và mạnh mẽ. Các yếu tố tác động này bao hàm hầu như tất cả các lĩnh vực trong cuộc sống như xã hội, kiến trúc, quy hoạch, môi trường, kinh tế... tác động này làm biến đổi nhanh chóng kiến trúc Việt Nam nói chung và kiến trúc nông thôn nói riêng. Bên cạnh đó, kiến trúc nhà ở nông thôn cũng chuyển mình theo vòng xoáy của CNH, HĐH đất nước. Chúng ta cần nhìn nhận các nguyên nhân, quá trình, quy luật chi phối sự biến đổi này để có một cái nhìn toàn cảnh về thực trạng làng nghề hiện nay, để từ đó đưa ra được các giải pháp kiến trúc cũng như quản lý phù hợp với thực tiễn phát triển nông thôn mới. Làm tiền đề cho việc phát triển kiến trúc nông thôn trong tương lai một cách đúng đắn, hiệu quả, phù hợp quá trình phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng hiện đại, văn minh và giữ gìn bản sắc kiến trúc và giá trị văn hoá truyền thống.

2. GIỚI HẠN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Giới hạn nghiên cứu

Thuộc không gian tổng thể kiến trúc, cảnh quan làng nghề và cấu trúc nhà ở tại làng nghề Bình Minh.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp khảo sát thực địa: Khảo sát kiến trúc nhà ở trên địa bàn làng nghề, thực hiện khảo sát theo các mẫu nhà điển hình.

Phương pháp sơ đồ và mô hình hoá: Sau khi khảo sát thực địa, mô hình hoá các cấu trúc không gian kiến trúc tổng thể và nhà ở làng nghề. Từ đó làm cơ sở để đưa ra các phân tích và nhận định về sự biến đổi cấu trúc không gian kiến trúc của làng.

Phương pháp so sánh, đối chiếu: Các thông tin, mô hình thu thập được, từ đó so sánh và đối chiếu giữa mốc thời gian, giai đoạn để nhận diện sự tương quan lẫn nhau.

Phương pháp phân tích và tổng hợp: Từ các kết quả của các phương pháp trên, phân tích các dự đoán, đưa ra kết luận, đề xuất các giải pháp.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

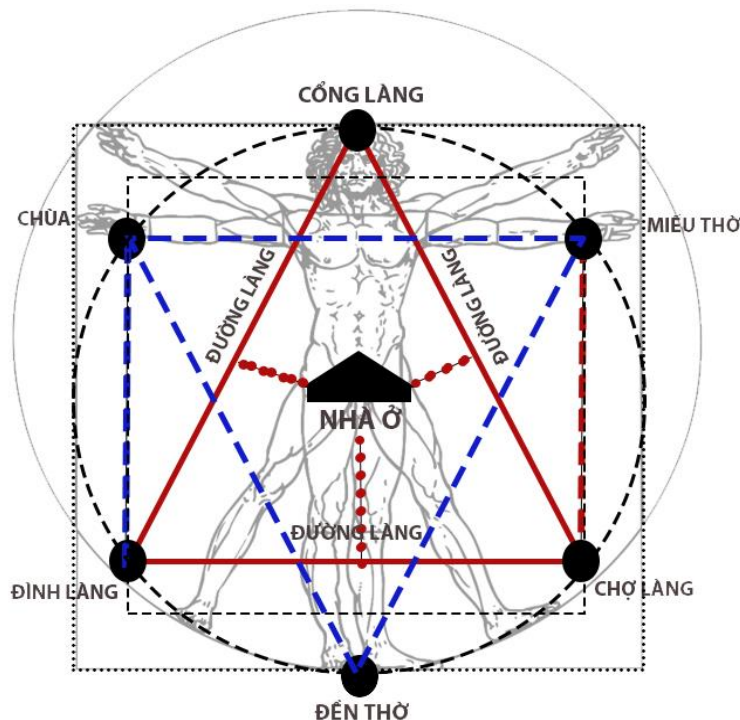
3.1. Không gian kiến trúc làng truyền thống Bắc Bộ

Cấu trúc không gian này được hình thành mà không cần tới các chuyên gia trong lĩnh vực xây dựng mà hoàn toàn là các không gian tự phát, tuy nhiên chúng vẫn thể hiện được tính logic trong cơ cấu tổ chức của mình. Mạng lưới đường làng, ngõ xóm là một ví dụ điển hình của tính tự phát. Thông thường có hai kiểu đường chính trong làng là đường chính (đường cái quan) và đường phụ (ngõ nhỏ giao thông vào các ngôi nhà). Các đường chính thường song song và các đường phụ đổ ra đường chính tạo thành dạng răng lược hay xương cá [2]. Con đường làng dẫn đến cổng làng, một giới hạn quy ước và vô định. Cổng làng là nơi gặp gỡ đầu tiên của những người nông dân. Cùng với lũy tre, cổng làng tạo thành ranh giới của một làng, phân định giữa trong và ngoài làng, giữa khu vực xây dựng và khu vực trồng - cấy, việc phân định này như một quy ước không gian hơn là giới hạn địa lý của làng. Thường cổng làng là một tam quan xây gạch với kích thước vừa phải, nếu cầu kỳ hơn thì đắp nổi một vài họa tiết dân gian.

Đối với làng truyền thống, công trình quan trọng nhất của làng là ngôi đình. Ngoài là nơi thờ cúng Thành Hoàng làng, ngôi đình còn là trung tâm hành chính với vai trò quản lý các hoạt động của người làng. Ngôi đình là nơi diễn ra các hoạt động như hội họp, hội làng, các hoạt động văn hoá và nghệ thuật của làng [2]. Ở đây, sự quân bằng của Thiên – Địa – Nhân được thể hiện rõ nét. Bố cục của đình thường đơn giản, dân dã với nghi thức tối thiểu, chi tiết thiên về tự nhiên và cấu trúc đơn thể. Ngoài ra còn một số công trình khác như chợ làng, chùa, đền, miếu.

Mối quan hệ trong tổng thể cấu trúc không gian làng của các không gian chức năng được thể hiện ở (Hình 1) với hai hình tam giác chồng lên nhau tạo thành lục giác, tâm của hình lục giác này là nhà ở, tam giác quan trọng hơn là tam giác (màu đỏ) với ba đỉnh: đình, cổng làng, chợ làng, có mối quan hệ trực tiếp với nhà ở thông qua các

ngõ xóm. Tam giác ngược lại (màu xanh) là tam giác với ba đỉnh: chùa, đền, miếu với quan hệ gián tiếp với nhà ở.



Hình 1. Các yếu tố chính trong cấu trúc không gian của Làng truyền thống người Việt (nguồn tác giả tổng hợp).

3.2. Không gian kiến trúc làng nghề Bình Minh

Trải qua thời gian mở rộng của trại Mộc Thạch, khu vực ven sông Ninh Cơ dần được bồi tụ, qua thời gian người dân tụ cư, quai đê và làm nhà đã hình thành nên vùng đất này được gọi là làng Tân Bồi - làng nghề Bình Minh ngày nay. Khi được thành lập, vùng đất Tân Bồi phụ thuộc hoàn toàn vào sản xuất nông nghiệp, năng xuất nông nghiệp không cao nên đời sống gặp nhiều khó khăn. Chính vì nghèo khó nên một số người dân đã di dân và học nghề đồ gỗ khảm trai và truyền lại cho người dân tại quê hương, tạo thêm một phương tiện sinh sống cho người dân lúc nông nhàn. Đến năm 2012, làng nghề Bình Minh là một trong hai làng nghề của huyện Hải Hậu được công nhận là làng nghề truyền thống với ngành nghề sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ [7].

3.2.1. Giai đoạn trước năm 1954

Không gian làng hình thành với các hình ảnh biểu trưng chung của làng quê Bắc Bộ như: không gian sinh hoạt cộng đồng, cánh đồng lúa, rừng tre, dòng kênh,... Cấu trúc của làng nghề theo dạng điểm với không gian trung tâm là kiến trúc nhà thờ Tân Bồi, hệ thống đường từ đó tỏa đi các trục đường xóm theo dạng hình răng lược,

kết nối tới trục đường đê sông Ninh Cơ, dẫn ra cánh đồng, nghĩa địa và bến thuyền ven sông [3].

Số lượng công trình công cộng rất ít, chỉ có một nhà thờ Tân Bồi vừa là nơi sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng, vừa là không gian giao tiếp cộng đồng. Kiến trúc nhà thờ, chứng nhân lịch sử của làng, như một sợi dây gắn kết cộng đồng và đồng thời như là một nét đẹp độc đáo trong văn hóa làng nghề. Nhà thờ đầu tiên xây dựng trước năm 1880, được sử dụng vật liệu tre luồng và mái lợp rơm rạ. Đến năm 1920, công trình nhà thờ mới bằng bê tông cốt thép có chiều dài 35 m, rộng 11 m và cao 12 m với kiến trúc tân cổ điển phương Tây.

Ở giai đoạn này, với đặc trưng là làng nông nghiệp, hạ tầng kỹ thuật của làng khá nghèo nàn. Đường giao thông chính được làm chủ yếu bằng đất. Hệ thống thoát nước là các ao hồ cục bộ và hệ thống kênh rạch theo các trục đường làng, nhưng thường vẫn xảy ra ngập úng. Hệ thống đê được đắp thấp bằng đất với sự góp sức của người dân trong làng. Nước sinh hoạt chủ yếu lấy từ hệ thống ao hồ hoặc nước mưa chứa trong các bể để lắng cặn. Hệ thống nghĩa địa nằm rải rác hoặc được xây dựng trên các cánh đồng của mỗi hộ gia đình dân trong làng (Hình 2).

3.2.2. Giai đoạn từ năm 1954 đến năm 1986

- Từ năm 1954 đến năm 1957, là thời kỳ cải cách ruộng đất; Từ năm 1958 đến năm 1960, thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ XIII và XIV của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá II, người dân được đưa vào làm ăn tập thể, xây dựng hợp tác xã nông nghiệp; Từ năm 1961 đến năm 1975 kháng chiến chống Mỹ; Sau năm 1975, hợp tác xã Minh Tiến (xã Hải Minh) thông qua phương hướng đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp và phát triển toàn diện các ngành nghề thủ công.

- Nhờ sự gia tăng dân số một cách liên tục làm tăng nhu cầu về không gian ở, kết hợp với sự bồi tụ từ hệ thống sông Ninh cơ, không gian làng liên tục được mở rộng về hướng sông Ninh Cơ. Các rặng tre dần được phá bỏ để tăng diện tích đất ở, vì vậy cấu trúc không gian làng nghề dần mở rộng theo dạng tuyến theo các đường đê ven sông. Các công trình công cộng cấp xã như: Trụ sở UBND xã, trạm y tế xã, các trường học cấp I và II... Các công trình trên được xây dựng đã đóng vai trò là trung tâm làng nghề. Ngoài ra, các công trình phục vụ cho mô hình hợp tác xã cũng được xây dựng như chuồng trại chăn nuôi, nhà kho, sân phơi...

- Cơ sở hạ tầng được đầu tư phát triển, các hệ thống giao thông chính được đầu tư cải tạo, mở rộng. Kênh rạch và các hệ thống thoát nước được đầu tư nạo vét và xây dựng thêm các trạm bơm, nên khắc phục được một phần tình trạng ngập úng. Hệ thống sông Ninh Cơ liên tục bồi đắp tạo thuận lợi xây dựng, tuyến đường đê cũ trở thành đường giao thông chính. Nghĩa trang được quy hoạch và xây dựng lại tạo thêm không gian mang ý nghĩa văn hoá trong không gian làng nghề [4].

3.2.3. Giai đoạn từ năm 1986 đến nay

- Nhờ sự phát triển về kinh tế, xã hội, nên cấu trúc không gian cảnh quan kiến trúc làng biến đổi mạnh. Ở đó, cấu trúc tổng thể không gian làng không ngừng được mở rộng, thay đổi từ cấu trúc tổng thể của khuôn viên ngôi nhà đến không gian kiến trúc nhà ở. Các công trình hành chính, văn hoá, giao thông cho người dân được đầu tư xây dựng giúp nâng cao đời sống người dân. Các cơ sở sản xuất công nghiệp cũng được đầu tư đáp ứng nhu cầu của sản xuất. Năm 2016, nhà thờ Tân Bồi được xây dựng mới đã tạo nên một công trình kiến trúc đồ sộ, mang phong cách kết hợp giữa kiến trúc cổ điển và truyền thống Việt Nam.

- Hệ thống đường trục giao thông chính được nâng cấp, mở thêm các trục đường mới làm cho cấu trúc dạng răng lược cũ trở thành mạng lưới hình ô vuông – bàn cờ. Cây xanh cảnh quan cũng được đầu tư và hệ thống kênh rạch được nạo vét nhằm phục vụ sản xuất nông nghiệp và tạo cảnh quan. Hệ thống ao hồ dần bị san lấp lấy diện tích xây dựng nhà ở. Nguồn nước sinh hoạt, hệ thống điện và hệ thống thông tin, truyền thanh được đầu tư phát triển.

- Kết luận: Quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh chóng làm nảy sinh ra những vấn đề như: Các khu nhà ở mới bám dọc theo trục đường giao thông chính để thuận tiện kinh doanh, buôn bán. Các hoạt động sản xuất tiểu thủ công nghiệp giữa khu dân cư gây ảnh hưởng mỹ quan và ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến sức khỏe.



Tổng thể vị trí làng nghề

Mặt bằng làng nghề trước năm 1954



Mặt bằng làng nghề từ năm 1954 đến 1986

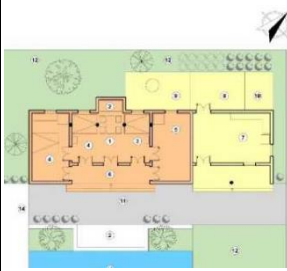
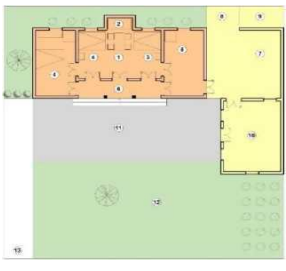
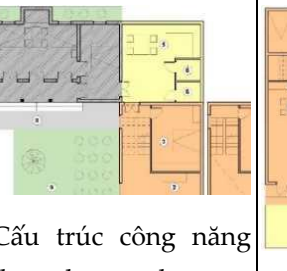
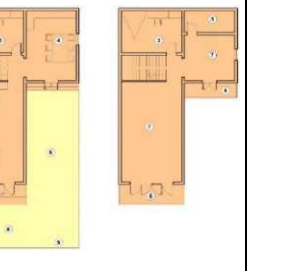
Mặt bằng làng nghề từ năm 1986 đến nay

Hình 2. So sánh sự biến đổi không gian làng nghề theo từng giai đoạn phát triển (nguồn [3]).

Bảng 1. Sự biến đổi cấu trúc không gian kiến trúc nhà ở làng nghề Bình Minh

(Nguồn: tác giả tổng hợp).

Giai đoạn	Trước năm 1975	Từ năm 1975 đến năm 1995	Từ năm 1995 đến năm 2010	Từ năm 2010 đến nay
Tiêu chí cấu trúc tổng thể	- Diện tích đất lớn, khoảng 350 – 700 m2 - Hướng chính: Nam hoặc Đông Nam - Nhiều hạng mục: Nhà chính, nhà phụ, vệ sinh, giếng khơi, chuồng trại, sân, vườn, ao	- Diện tích đất vừa, khoảng 200 – 300 m2 - Hướng chính: Nam hoặc Đông Nam - Nhiều hạng mục: Nhà chính, nhà phụ, vệ sinh, sân, vườn.	- Diện tích đất nhỏ, khoảng 120 – 150 m2 - Hướng chính: Phụ thuộc trục đường làng. - Ít hạng mục: Nhà chính, nhà phụ, vệ sinh, sân trước.	- Nhà ở dạng biệt thự, nông trang: Thay thế NONTTT, Diện tích và hướng không thay đổi - Nhà ở dạng ống: Hướng chính phụ thuộc trục đường làng. Bao gồm nhà chính, sân trước.

	 Cấu trúc công năng theo phương ngang	 Cấu trúc công năng theo phương ngang	 Cấu trúc công năng theo phương dọc	 (1) Cấu trúc công năng theo phương ngang
Tổ chức	- Nhà chính: 3 gian 2 chái. 3 gian giữa thờ cúng, tiếp khách, ngủ nghỉ. 2 gian chái làm phòng ngủ và kho lưu trữ. Hiên kết nối gian giữa và sân. Xử lý vi khí hậu trong nhà khá tốt, tận dụng được năng lượng tự nhiên như lấy sáng và đón gió. - Nhà phụ: bếp và nông cụ sản xuất kinh tế. Kết nối trực tiếp với khu vực chăn nuôi, không đảm bảo về vệ sinh. - Chuồng trại: Chăn nuôi lợn, gà Khu vệ sinh: Nằm tách biệt với nhà chính và nhà phụ, chưa đảm bảo vệ sinh. - Sân: ăn uống, giải trí, nghỉ ngơi, sản xuất. Không gian mở, mang tính cộng đồng và làng xóm cao.	- Nhà chính: 3 gian 2 chái. 3 gian giữa thờ cúng, tiếp khách, ngủ nghỉ. 2 gian chái làm phòng ngủ và kho lưu trữ. Hiên kết nối gian giữa và sân. Xử lý vi khí hậu trong nhà khá tốt, tận dụng được năng lượng tự nhiên như lấy sáng và đón gió. - Nhà phụ: sản xuất kinh tế. - Góc nối giữa nhà chính - phụ như bếp, nhà vệ sinh và công cụ sản xuất. - Chuồng trại: ít dần hoặc biến mất. - Sân: ăn uống, giải trí, nghỉ ngơi, sản xuất. Không gian mở, mang tính cộng đồng và làng xóm cao. - Vườn: Gia tăng kinh tế, cải tạo vi khí hậu	- Nhà chính: Tầng 1 với phòng khách kết hợp gian thờ phía trước, phòng ngủ phía sau nhà và tầng lửng. Liên kết không gian bằng hành lang, cầu thang. Hiên nhỏ kết nối gian giữa và sân trước. Bố trí các phòng chức năng theo hướng tự phát nên phần lớn các không gian chưa tối ưu về không gian và diện tích. - Nhà phụ: bếp và phòng ăn, sử dụng chung với nhà ở của ông bà phía sau hoặc phá bỏ và xây lại. - Khu vệ sinh: Được chuyển sát vào với không gian nhà chính.	- Nhà chính: Tiếp khách, sinh hoạt, thờ cúng, làm việc, ngủ nghỉ, vệ sinh. Liên kết không gian bằng hành lang, cầu thang. Bố trí các phòng chức năng theo hướng tự phát nên phần lớn các không gian chưa tối ưu về không gian và diện tích. - Nhà phụ: chứa bếp, kho và gara để xe. - Sân trong tạo cảnh quan, sân trước làm nghề hoặc buôn bán. (2) Cấu trúc công năng theo phương dọc: - Nhà chính: Tầng 1 kinh doanh hoặc phòng khách kết hợp gian thờ phía trước, phòng ngủ, bếp, vệ sinh phía sau nhà. Liên kết không gian bằng hành lang, cầu thang. Hiên nhỏ kết

	- Vườn: trồng rau, cây ăn trái. - Ao cá: nuôi cá, dự trữ nước tưới tiêu và chống lầy lội.	- Ao cá: San lấp, chuyển đổi thành vườn.	- Sân trước: khu vực làm nghề hoặc buôn bán - Vườn và ao cá bị san lấp	nối gian giữa và sân trước. Bố trí các phòng chức năng theo hướng tự phát, nên phần lớn các không gian chưa tối ưu về không gian và diện tích. Các điều kiện thông gió và chiếu sáng tự nhiên bị hạn chế. - Sân trước: khu vực làm nghề hoặc buôn bán.
Kết cấu, vật liệu xây dựng	- Nhà chính: Hệ khung cột và vì kèo gỗ. Vì kèo chạm khắc nhiều hoa văn, họa tiết sắc nét, cầu kì. Tường bao xây gạch đất nung, liên kết bằng vôi vữa, hoàn thiện quét vôi trắng. Mái lợp ngói. Nền lát gạch đỏ. - Nhà phụ: Tường xây chịu lực, hoàn thiện quét vôi trắng. Mái lợp ngói, hệ cầu phong đỡ mái bằng gỗ hoặc tre nứa. - Chuồng trại: Đá ong, gỗ hoặc tre nứa, mái lợp fibro xi măng. - Sân: Đất nện, ngày nay được tráng xi măng thay thế. - Khu vệ sinh: Xây gạch và lợp tôn	- Nhà chính: Vì kèo đơn giản, gác lên tường gạch chịu lực, hoàn thiện quét vôi trắng. Mái lợp ngói nam, hiên đỡ bằng bê tông cốt thép, cột hiên xây gạch. Nền lát gạch hoa. - Nhà phụ: Tường xây chịu lực, hoàn thiện quét vôi trắng. Mái lợp ngói, hệ cầu phong đỡ mái bằng gỗ hoặc tre nứa. - Góc nối giữa nhà chính - phụ: Tường xây gạch đất nung. Mái lợp fibro xi măng, hệ cầu phong đỡ mái bằng tre nứa. - Sân: Đất nện, ngày nay được tráng xi măng thay thế.	- Nhà chính: Hệ cột và dầm bê tông cốt thép chịu lực, hoàn thiện sơn. Mái đỡ bằng bê tông cốt thép, dễ xảy ra thấm, dột theo thời gian. Nền lát gạch hoa. - Nhà phụ: Tường xây chịu lực, hoàn thiện quét vôi trắng. Mái lợp ngói, hệ cầu phong đỡ mái bằng gỗ hoặc tre nứa. - Khu vệ sinh: Xây gạch và đỡ mái bằng bê tông cốt thép - Sân trước: hệ khung sắt hoặc thép, bao che và mái sử dụng tôn chống nóng, nền tráng xi măng.	- Nhà chính và nhà phụ: Hệ cột và dầm bê tông cốt thép chịu lực, hoàn thiện sơn. Mái đỡ bằng bê tông cốt thép, dễ xảy ra thấm, dột theo thời gian. Nền lát gạch hoặc đá hoa văn sắc sỡ, hiện đại. - Sân trong tráng xi măng, sân trước sử dụng hệ khung sắt hoặc thép, bao che và mái sử dụng tôn chống nóng, nền tráng xi măng. - Nhà chính: Hệ cột và dầm bê tông cốt thép chịu lực, hoàn thiện sơn. Mái đỡ bằng bê tông cốt thép, dễ xảy ra thấm, dột theo thời gian. Nền lát gạch hoặc đá hoa văn sắc sỡ, hiện đại. - Sân trước sử dụng hệ khung sắt hoặc thép,

				bao che và mái sử dụng tôn chống nóng, nền tráng xi măng.
Hình thức kiến trúc	- Hình thức kiến trúc theo phương ngang, mộc mạc giản dị, hài hòa với thiên nhiên. Trang trí đơn giản bằng một vài đường chỉ và cây xanh. Hệ thống cửa “bức bàn” thấp nhưng rộng, nhiều ý nghĩa. - Không gian thờ và không gian phòng khách được chú trọng trang trí hơn so với các gian còn lại, thường được trang trí bằng tủ thờ gỗ đặt ở vị trí cao, khu tiếp khách thường đặt một bộ bàn ghế hoặc sập gỗ. Hai không gian hai bên bố trí giường gỗ cơ bản, tủ rượu, tủ tivi và tranh ảnh. Phòng ngủ hai gian chái không trang trí.	- Hình thức kiến trúc theo phương ngang, mộc mạc giản dị, hài hòa với thiên nhiên. Trang trí đơn giản bằng một vài đường chỉ và cây xanh. Cửa đơn giản và hẹp hơn. - Không gian thờ và không gian phòng khách được chú trọng trang trí hơn so với các gian còn lại, thường được trang trí bằng tủ thờ gỗ đặt ở vị trí cao, khu tiếp khách thường đặt một bộ bàn ghế hoặc sập gỗ. Hai không gian hai bên bố trí giường gỗ cơ bản, tủ rượu, tủ tivi và tranh ảnh. Phòng ngủ hai gian chái không trang trí.	- Hình thức kiến trúc theo phương đứng, không quá cao, sử dụng gờ chỉ trang trí, lan can con tiện đơn giản, màu sắc đa dạng. Hệ khung sắt và mái tôn phía trước gây mất mỹ quan chung của tổng thể làng. - Không gian thờ cúng và không gian phòng khách được lược giản trong trang trí, kệ thờ nhỏ treo trên tường ở vị trí cao, phòng khách thường đặt một bộ bàn ghế gỗ đơn giản, tủ tivi và tranh ảnh. Phòng ngủ bố trí giường gỗ cơ bản, ít trang trí.	- Hình thức kiến trúc theo phương đứng cao, Ti lệ công trình hẹp, cao. Lấy nguyên mẫu nhà ở đô thị, không cần thiết kế mà chỉ sao chép, phong cách đa dạng, hỗn độn, chen chúc. - Nội thất gỗ theo hướng cổ, sang trọng và cầu kỳ. Phòng khách được trang trí với tủ rượu, hoành phi, câu đối cổ... Bàn ghế, tủ bếp, giường ngủ,... được chạm khắc tinh xảo. - Không gian thờ và không gian phòng khách được lược giản trong trang trí, kệ thờ nhỏ treo trên tường ở vị trí cao, phòng khách thường đặt một bộ bàn ghế gỗ đơn giản, tủ tivi và tranh ảnh. Phòng ngủ bố trí giường gỗ cơ bản, ít trang trí.

4. KẾT LUẬN

Làng nghề Bình Minh tuy với lịch sử hình thành không quá lâu đời như những làng quê Bắc Bộ khác, nhưng làng nghề thể hiện được đầy đủ các yếu tố của một làng nghề Bắc Bộ điển hình trong thời đại ngày nay. Sản phẩm đồ gỗ mỹ nghệ khám trai

của làng nghề thể hiện được sự tài hoa, tỉ mỉ của các nghệ nhân làng nghề. Những yếu tố này đã làm nên bản sắc đặc sắc của môi trường định cư làng nghề.

Sự biến đổi mạnh mẽ của văn hoá, kinh tế, xã hội và nhất là vấn đề đô thị hoá đã có những tác động lớn đến không gian kiến trúc của làng nghề. Đó là sự thay đổi về diện tích và cấu trúc làng nghề, sự gia tăng các công trình công cộng, cơ sở hạ tầng từng bước được phát triển. Tuy nhiên, đi cùng với đó là nhiều tác động tiêu cực tới môi trường ở nông thôn như sự thay đổi về cảnh quan, mất dần đi tính sinh thái và bản sắc văn hoá truyền thống. Mật độ xây dựng gia tăng, ô nhiễm môi trường,... đã tác động xấu đến chất lượng môi trường ở làng nghề.

Kiến trúc nhà ở làng nghề đang dần biến đổi theo quá trình phát triển của xã hội. Diện tích lô đất xây dựng ngày càng nhỏ, hẹp. Nó đang chuyển hướng dần từ cấu trúc bố trí không gian theo phương ngang sang phương dọc, từ không gian cảnh quan theo bốn hướng của khu đất sang phát triển chỉ theo một hướng. Các thành phần chức năng hợp khối với nhà chính, làm cho diện tích nhà chính có xu hướng mở rộng. Dẫn đến diện tích sân, vườn, ao, nhà phụ có xu hướng thu hẹp lại. Các công năng sử dụng chưa đảm bảo được điều kiện ăn ở, sinh hoạt kết hợp với sản xuất nghề. Không gian ở kém tiện nghi, khai thác ánh sáng và thông gió kém gây ngột ngạt, nóng bức. Hình thức kiến trúc lộn xộn, sao chép tùy tiện đã tác động đến giá trị kiến trúc nhà ở truyền thống.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bùi Xuân Đính, (2020). *Làng Việt ở Bắc Bộ truyền thống và biến đổi*, NXB. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [2]. Nguyễn Việt Huy, (2021). *Làng xã truyền thống đồng bằng châu thổ sông Hồng ở Việt Nam – một cơ hội cho cảnh quan đô thị*, NXB. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [3]. Trần Văn Triều, (2023). *Sự biến đổi trong tổ chức không gian kiến trúc nhà ở tại làng nghề Bình Minh*. Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh.
- [4]. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Hải Minh, (2022). *Lịch sử đảng bộ và nhân dân xã Hải Minh (Từ mở đất đến năm 2020)*, Hải Minh.
- [5]. Nguyễn Luận, (2020). *Nhà ở nông thôn truyền thống Bắc Bộ*, Tạp chí Kiến trúc.
- [6]. Trần Quốc Việt, (2023). *Kiến trúc nhà ở nông thôn trong quá trình đô thị hoá*, Tạp chí Kiến trúc.
- [7]. Ủy ban Nhân dân tỉnh Nam Định, (2012). *Quyết định về việc công nhận Nghề truyền thống, Làng nghề, Làng nghề truyền thống tỉnh Nam Định - đợt I năm 2012*. Quyết định số 1470/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2012, Nam Định.

THE CHANGE OF ARCHITECTURAL SPATIAL STRUCTURE IN BINH MINH CRAFT VILLAGE, NAM DINH PROVINCE

Tran Dinh Hieu^{1*}, Nguyen Quoc Truc²

¹ Faculty of Architecture, Thu Dau Mot University

² Faculty of Architecture, University of Science and Technology, The University of Da Nang

*Email: tdhieu@dut.udn.vn

ABSTRACT

Since Vietnam began its industrialization and modernization journey, there have been significant and pronounced transformations in the structural layout of rural housing spaces,. These influencing factors include almost all fields of social life, architecture, planning, environment, economy... They contribute to rapid changes in Vietnamese architecture in general and rural architecture in particular. Therefore, it is necessary to recognize the factors directly influencing these transformations to obtain a more comprehensive understanding of the current scenery of rural craft villages. The case of f Binh Minh inlaid pearl-wooden carving village is also experiencing this trend of spatial structure transformation.

The paper aims to identify the factors affecting the transformation and to evaluate both the overall architectural changes and the current residential architectural space structure in craft villages. Furthermore, it proposes and recommends some principles for preserving and developing this craft village in light of current development conditions.

Keywords: Architectural space of Craft village, Binh Minh inlaid pearl-wooden carving village, Northern rural housing.



Trần Đình Hiếu sinh ngày 24/9/1973 tại Bình Định. Ông tốt nghiệp Kiến trúc sư chuyên ngành Kiến trúc công trình tại trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, năm 1996; Tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành Kiến trúc tại trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, năm 2002; Tốt nghiệp tiến sĩ chuyên ngành kiến trúc và vùng lãnh thổ tại trường đại học Bách khoa Marche, Cộng hòa Ý, năm 2012. Ông công tác tại Trường Đại học Khoa học Huế từ tháng 01/1997 đến 12/2018, tại Trường Đại học Thủ Dầu Một từ tháng 01/2019 đến 6/2024 và tại Trường Đại học Bách khoa - Đại học Đà Nẵng từ tháng 7/2024.

Lĩnh vực nghiên cứu: Kiến trúc Nhà ở, Kiến trúc Cảnh quan, Bảo tồn Kiến trúc.



Nguyễn Quốc Trúc sinh ngày 21/10/1970 tại TP. Hồ Chí Minh. Ông tốt nghiệp Kỹ sư xây dựng chuyên ngành xây dựng tại trường Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh năm 1995; Tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông tại trường Đại học Giao thông vận tải năm 2019. Ông công tác tại Phòng Quản lý đô thị Quận 9, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh từ 2010 đến 2022 và tại Trường Đại học Thủ Dầu Một từ năm 2023.

Lĩnh vực nghiên cứu: Quản lý dự án công trình xây dựng và công trình hạ tầng đô thị...

